

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 474/2023/DS-ST

Ngày: 28-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Hồng P, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 27 Đường số M, thị trấn N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

– Ông Phan Văn H, sinh năm: 1973

– Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số E8/3 Khu phố K, thị trấn N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Cao Hồng P trình bày:

Ngày 18/5/2021, bà Cao Hồng P có cho vợ chồng ông Phan Văn H và bà Đặng Thị Trúc L vay số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng); thời hạn

vay là 1 tháng. Nhưng đến hạn, ông H và bà L đã không trả lại cho bà P số tiền nêu trên. Đến tháng 5/2022, ông H và bà L có trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); sau đó không tiếp tục trả số tiền còn lại.

Đến ngày 09/4/2023, ông Phan Văn H và bà Đặng Thị Trúc L có ghi Giấy nhận nợ với số tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và đồng ý trả cho bà P thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền lãi; thời hạn trả là tháng 5/2023. Tuy nhiên, sau nhiều lần bà P yêu cầu ông H và bà L thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên thì vợ chồng ông H, bà L cố tình tránh né không trả.

Nay đã quá thời hạn trả nợ, bà P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 09/4/2023.

Đối với bị đơn ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông H, bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Hồng P khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L trả số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ký giữa các bên; bị đơn cư trú tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Cao Hồng P; bị đơn ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 09/4/2023, ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L còn nợ của bà Cao Hồng P số tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Cao Hồng P số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phan Văn H, bà Đặng Thị Trúc L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Cao Hồng P số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0019771 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương